

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày 31-01-2020

V/v Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rễn;
2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-DS ngày 13/01/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: Ấp B, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm: 1974. Nơi đăng ký thường trú: ấp LH, xã Long Chữ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

NỘI D VU ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà và bà T có quen biết do bà T thuê mặt bằng mở cửa hàng kinh doanh

quần áo tại ấp B, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình quen biết, bà T có vay tiền của bà nhiều lần nhưng bà T trả nợ không đúng như cam kết nên bà khởi kiện. Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019, bà Nguyễn Thị D yêu cầu bà Huỳnh Thị Diễm T trả số tiền nợ hui là 328.500.000 đồng và nợ vay là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 358.500.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2019 và đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/8/2019, bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện bà D chỉ yêu cầu bà T trả cho bà D số tiền vay còn nợ là 234.322.739 đồng. Tại phiên tòa bà D trình bày bà T còn nợ bà các khoản nợ như sau:

- + Tại giấy nợ ngày 5/5/2019, bà T vay số tiền góp là 20.000.000 đồng có chữ ký và viết của bà T, thỏa thuận bà T trả góp mỗi ngày 400.000 đồng, phải góp 55 ngày, lãi là 2.000.000 đồng. Nhưng bà T chỉ góp được 5 ngày từ ngày 5 đến ngày 9/5/2019 thì không góp nữa. Hiện bà T còn nợ bà số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng tiền nợ gốc và lãi theo quy định 20%/năm của 55 ngày là 602.739 đồng, tổng cộng là 18.602.739 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả.

- + Tại giấy mượn tiền ghi ngày 20/9/2018, bà T vay số tiền 54.500.000 đồng là tiền hốt hui của bà. Bà T phải góp 1 tháng 5.000.000 đồng, góp 13 tháng thành 65.000.000 đồng, trong đó lãi là 10.500.000 đồng nhưng bà T mới góp được 7 tháng là 35.000.000 đồng, còn nợ lại 6 tháng là 30.000.000 đồng. Do đó bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng còn nợ, không yêu cầu trả tiền lãi chậm trả gì thêm.

- + Tại giấy ngày 16/4/2019 bà T có vay 50.000.000 đồng tiền đứng (tức là vay vài ngày, tới ngày trả sẽ cho thêm tiền lãi nhưng lãi bao nhiêu thì không thỏa thuận trước) nhưng bà T chưa trả nên còn nợ là 50.000.000 đồng.

- + Ngày 10/5/2019 bà T có mượn 50.000.000 đồng tiền góp, bà T viết lên cùng tờ giấy nợ ngày 16/4/2019 (nêu trên), thỏa thuận góp 01 ngày 1.000.000 đồng, góp 55 ngày thành 55.000.000 đồng, tức lãi 5.000.000 đồng/55 ngày. Bà T góp được 03 ngày là 3.000.000 đồng, còn nợ 47.000.000 đồng nợ gốc. Bà yêu cầu bà T trả 47.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu trả lãi.

- + Ngày 10/4/2019 bà cho bà T vay 50.000.000 đồng, bà T hẹn trả góp trong 15 tháng bắt đầu từ ngày 25/5/2019, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng thành 75.000.000 đồng nên lập Giấy mượn tiền ghi ngày 25/5/2019, đến nay bà T chưa trả cho bà. Bà chỉ yêu cầu bà T trả 50.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu trả lãi.

- + Ngày 20/4/2019 bà có hốt hui do bà T có vay 78.000.000 đồng để đóng tiền hui ngày cho bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1974. Địa chỉ: ấp Bình Phong, xã

Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh làm chủ thảo để cho bà T mượn. Bà T đã trả cho bà 49.280.000 đồng, còn nợ lại 28.720.000 đồng. Nợ này không có làm giấy tờ gì chỉ có bà U là chủ hụi làm chứng.

+ Vào lúc 13 giờ, ngày 15/5/2019 bà T mượn 30.000.000 đồng không có làm giấy nợ, nhưng khi tới nhà bà U để mượn cho bà T thì bà có mở điện thoại loa ngoài gọi cho bà T trước mặt bà U, sau khi mượn được 30.000.000 đồng đem về đưa cho bà T thì trên đường đi bà có gặp bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958. Địa chỉ: ấp Bình Phong, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bà L thấy bà cầm tiền đi có hỏi đi đâu thì bà có nói với bà L là đến nhà bà U để mượn cho bà T 30.000.000 đồng. Do bà T không trả nên bà yêu cầu bà T trả cho bà 30.000.000 đồng này, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tổng số tiền bà T còn nợ bà là 254.322.739 đồng. Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 08/8/2019 của bà ghi chỉ khởi kiện bà T 234.322.739 đồng là bà ghi sai số do bà cộng các khoản nợ có sự nhầm lẫn. Bà đã nhiều lần liên lạc với bà T nhưng bà T chỉ hứa miệng rồi đến tháng 5/2019 bà không liên lạc với bà T được nữa nên bà khởi kiện. Chứng cứ khởi kiện là các giấy nợ có chữ ký và viết tên “-Diễm T” như nêu trên.

Bị đơn- bà Huỳnh Thị Diễm T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và được triệu tập đến tham gia phiên hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng không đến và cũng không gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà D và việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt đối với bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội D vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 462, 466 Bộ Luật Dân sự; Điều 161, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; NQ 326 của UBTVQH, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Buộc bà Huỳnh Thị Diễm T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 254.322.739 đồng.

- Về án phí và chi phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Diễm T phải chịu án phí, chi phí giám định theo quy định. Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà D khởi kiện yêu cầu bà T có đăng ký thường trú tại ấp LH, xã Long Chũ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh trả lại số tiền vay 254.322.739 đồng, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự, do đó căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Bến Cầu.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết, bà Huỳnh Thị Diễm T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D:

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với bà T thì thấy rằng:

Bà D trình bày bà và bà T có quen biết do bà T đến sinh sống mà thuê nhà mở cửa hàng kinh doanh quần áo tại ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình quen biết thì bà T vay tiền của bà nhiều lần dưới nhiều hình thức: vay có lãi, có thời hạn và vay không tính lãi, không thời hạn. Đến ngày 25/5/2019 thì bà T nợ bà tổng cộng 254.322.739 đồng, khi đến hạn bà T không trả cho bà và vào tháng 5/2019 bà D không liên lạc được với bà T nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kết quả xác minh thông tin cư trú của Tòa án đối với bà T thể hiện: Bà T có đăng ký thường trú tại ấp LH, xã Long Chũ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh từ năm 2011, đến năm 2013 thì bà T chuyển về sống tại ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nhưng không có đăng ký tạm trú, đến khoảng ngày 15/5/2019 thì bà T bỏ đi khỏi địa phương. Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp tổng đạt và thông báo theo quy định cho bà T nhưng bà T không đến Tòa theo giấy triệu tập cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

[3.1] Đối với trình bày của bà D về hợp đồng vay tài sản giữa bà với bà T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà D cung cấp các giấy có nội D thể hiện bà T có vay tiền của bà nhiều lần như: giấy ghi nợ ngày 16/4/2019, ngày 10/5/2019 và Giấy nợ ghi góp 5/5/2019; 02 giấy mượn tiền ngày 25/5/2019 và ngày 20/9/2018 trên giấy có chữ ký và chữ viết của bà T. Tại kết luận giám định số 1661/KL-KTHS ngày 21/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận “Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A01 đến A05) với chữ ký, chữ viết đúng tên Huỳnh Thị Diễm T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01 đến M09) là do cùng một người ký và viết ra”, do đó đủ cơ sở xác định chứng cứ khởi kiện là giấy nợ do bà D cung cấp là đúng sự thật, đủ cơ sở

xác định quan hệ tranh chấp giữa bà D với bà T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, các bên tham gia tự nguyện không trái pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu của bà D đối với từng giao dịch vay tài sản giữa bà với bà T thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với khoản vay 54.500.000 đồng tại giấy mượn tiền ngày 20/9/2018: Đây là nợ vay có thời hạn 13 tháng, trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1,48 %/ tháng là phù hợp theo quy định của Bộ luật dân sự. Bà D xác định bà T đã trả được 07 kỳ là 35.000.000 đồng, số nợ bà T phải trả là 30.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng tại giấy ngày 16/4/2019, không thể hiện thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nên chỉ có cơ sở xác định việc bà T có nợ bà D 50.000.000 đồng, nên bà D yêu cầu bà T trả 50.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với khoản vay 20.000.000 đồng tại giấy ghi ngày 5/5/2019: Bà D trình bày thỏa thuận bà T phải trả góp trong 55 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, lãi là 2.000.000 đồng (0,18%/ngày) là cao hơn mức tối đa quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự (20%/năm) nên việc bà D tự điều chỉnh về mức lãi 20%/năm còn 602.739 đồng là phù hợp. Bà D xác định bà T đã trả góp được 05 ngày với số tiền 2.000.000 đồng nhưng ngày cuối cùng là ngày 09/5/2019 bà chưa cho bà T ghi vào giấy là phù hợp với nội D thể hiện tại giấy ngày 05/5/2019. Bà D yêu cầu bà T trả số nợ gốc còn lại 18.000.000 đồng và lãi tổng cộng là 18.602.739 đồng là có cơ sở nên chấp nhận.

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng tại Giấy mượn tiền ghi ngày 25/5/2019: bà D trình bày cho bà T vay ngày 10/4/2019, trả góp trong 15 tháng bắt đầu từ ngày 25/5/2019, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng thành 75.000.000 đồng nhưng tại giấy này chỉ thể hiện bà T vay 50.000.000 đồng trả 01 tháng 500.000 đồng, ngày 25/7/2020 trả hết nên trình bày của bà D về thỏa thuận lãi là không phù hợp. Tuy nhiên bà D yêu cầu trả tiền gốc 50.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng tại giấy ghi ngày 10/5/2019: bà D trình bày thỏa thuận trả góp 01 ngày 1.000.000 đồng, góp 55 ngày thành 55.000.000 đồng, tức lãi 5.000.000 đồng/55 ngày nhưng không có gì chứng minh về thỏa thuận lãi nên không có cơ sở xác định mức lãi vay như bà D trình bày. Tuy nhiên bà D xác định bà T đã trả góp được 3.000.000 đồng, nên chỉ yêu cầu trả số nợ gốc là 47.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu này phù hợp với nội D giấy nợ thể hiện nên có cơ sở chấp nhận.

- Đối với khoản vay 78.000.000 đồng bà D trình bày bà hốt hụi của bà Nguyễn Thị U để cho bà T vay ngày 20/4/2019: tuy bà không cung cấp được

giấy nhận nợ nhưng người làm chứng là bà Nguyễn Thị U xác nhận vào ngày này bà D đến gặp bà để hốt số tiền hui 78.000.000 đồng cho bà T mượn vì khi bà D hốt hui có gọi điện nói chuyện với bà T cho bà U nghe. Bà D xác định bà T đã trả cho bà 49.280.000 đồng, còn nợ lại 28.720.000 đồng. Xét thấy lời khai của bà D phù hợp với lời khai của người làm chứng nên có cơ sở chấp nhận.

- Đối với khoản vay 30.000.000 đồng bà D khai cho bà T vay vào lúc 13 giờ, ngày 15/5/2019: việc vay tiền không có làm giấy tờ, nhưng khi gặp bà U để mượn cho bà T thì bà có mở điện thoại loa ngoài gọi cho bà T trước mặt bà U, và sau khi mượn được 30.000.000 đồng đem về đưa cho bà T thì trên đường đi bà có gặp bà Nguyễn Thị L và có nói với bà L là đến nhà bà U để mượn cho bà T 30.000.000 đồng. Sau đó bà T không trả lại cho bà U nên bà đã trả số tiền này cho bà U, do đó bà yêu cầu bà T trả lại số tiền này cho bà. Xét thấy lời trình bày của bà D phù hợp với lời khai của những người làm chứng nên có cơ sở chấp nhận.

Như vậy đủ cơ sở xác định bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay cho bà D với tổng số tiền 254.322.739 đồng, nên bà D khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vay 254.322.739 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Ghi nhận bà D không yêu cầu bà T trả lãi chậm trả.

[4] Về chi phí giám định: 2.040.000 đồng bà T phải chịu. Bà D đã nộp tạm ứng nên bà T có nghĩa vụ trả lại cho bà D.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 12.716.137 đồng, làm tròn thành 12.716.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà D.

[6] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463 và 466 của Bộ Luật Dân sự; Điều 161, Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị D đối với bà Huỳnh Thị Diễm T.

Buộc bà Huỳnh Thị Diễm T phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 254.322.739 (hai trăm năm mươi bốn triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi chín) đồng.

2. Về chi phí giám định: Bà Huỳnh Thị Diễm T phải chịu 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng, bà T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng cho bà Nguyễn Thị D.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Diễm T phải chịu 12.716.000 (mười hai triệu bảy trăm mười sáu nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 8.962.500 (tám triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0021991 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo thủ tục phúc thẩm. Bà Huỳnh Thị Diễm T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chu Y